

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 4 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**** Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ng kết hôn ngày 05/12/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh và chị Ng về chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng.

Về con chung: Anh và chị Ng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 06/7/2014; Nguyễn M, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Ánh D, sinh ngày 19/4/2020. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ng Kh và Nguyễn M, để chị Ng nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Ánh D. Anh không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 29/12/2022 bị đơn là chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 05/12/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022, tuy nhiên chị chưa đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Ng Kh, sinh ngày 06/7/2014; Nguyễn M, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Ánh D, sinh ngày 19/4/2020. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Ánh D, để anh T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ng Kh và Nguyễn M. Chị không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị sẽ có đơn trình bày sau.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 18/3/2023, chị Ng có ý kiến đồng ý ly hôn anh Nguyễn Văn T; yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Ánh D, để anh T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ng Kh và Nguyễn M. Ngoài ra chị không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

* Tại biên bản xác minh ngày 16/3/2023, ông Nguyễn Văn Bản – Trưởng thôn Việt Hùng, xã V1 cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng là công dân cư trú tại: Thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh T kết hôn với chị Ng năm 2011, có đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị Ng về gia đình anh T làm dâu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ khoảng năm 2019 vợ chồng anh T, chị Ng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 06/7/2014; Nguyễn M, sinh ngày 18/10/2016; giao cho chị Nguyễn Thị Ng nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Ánh D, sinh ngày 19/4/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị Ng, chị Ng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh T, chị Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng có 03 con chung là Nguyễn Ng Kh, sinh ngày 06/7/2014; Nguyễn M, sinh ngày 18/10/2016 và

Nguyễn Ánh D, sinh ngày 19/4/2020. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Anh T và chị Ng đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Hiện tại 02 con chung là Nguyễn Ng Kh và Nguyễn M đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; 02 con chung là Nguyễn Ánh D đang do chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung phát triển ổn định, bình thường. Ngoài ra cháu Kh có nguyện vọng muốn được ở với bố là Nguyễn Văn T. Để ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung như hiện nay. Giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ng Kh và Nguyễn M; giao cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Ánh D là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của các con và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T, chị Ng không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T, chị Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 01 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ng Kh, sinh ngày 06/7/2014; Nguyễn M, sinh ngày 18/10/2016; giao cho chị Nguyễn Thị Ng nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Ánh D, sinh ngày 19/4/2020.

Anh T, chị Ng không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T, chị Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011998 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã V1;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy